

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

Ngày 31/12/2025	12,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.0%	-	-

DT thuần Q4/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.3 -58.1%

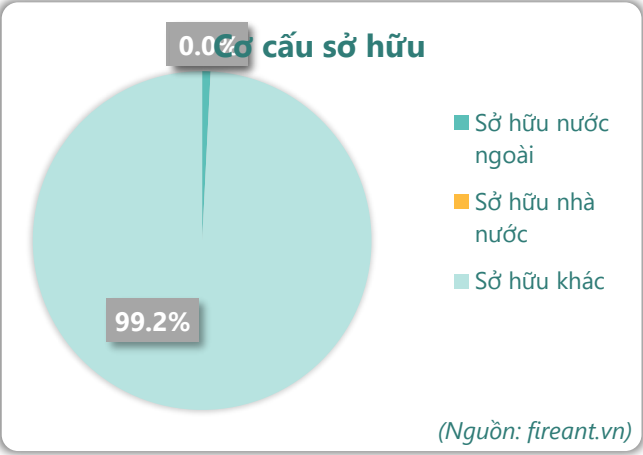
LN thuần Q4/25
-8.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.7 -461%

LN sau thuế Q4/25
-7.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.31 -2436%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.0%
YoY: +/-▼ 5.9%

ROE 2025
1.6%
YoY: +/-▼ 10.5%

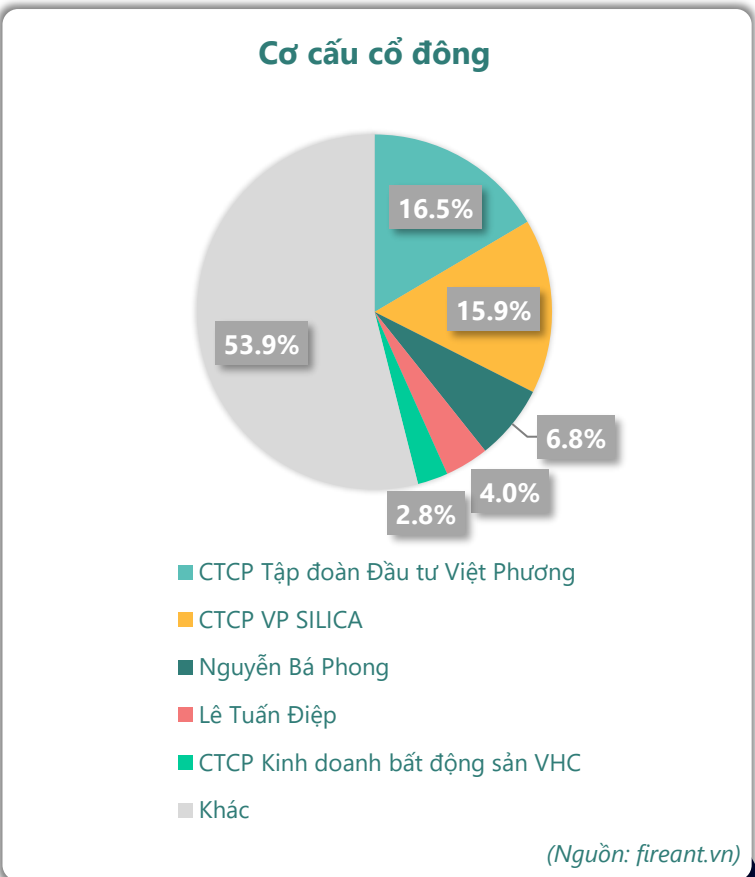
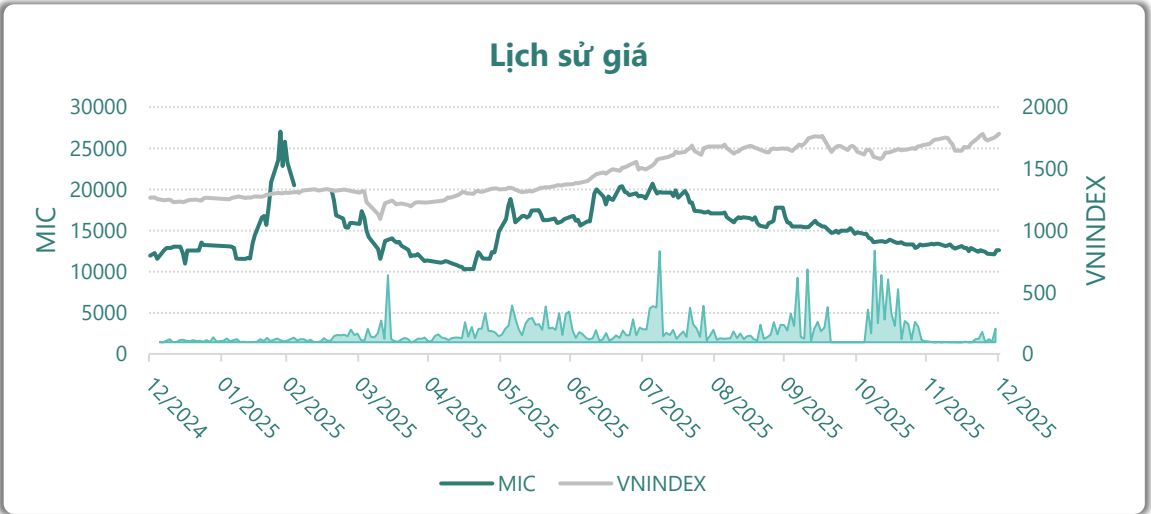
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108
Số lượng CPLH (CP)	8,547,445
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,390
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.54
EPS	171
P/E	73.7



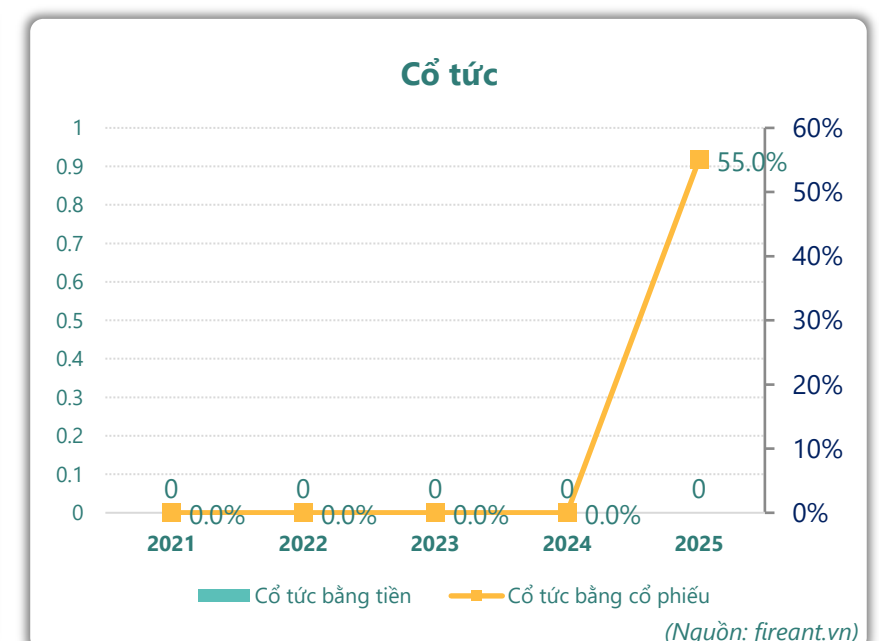
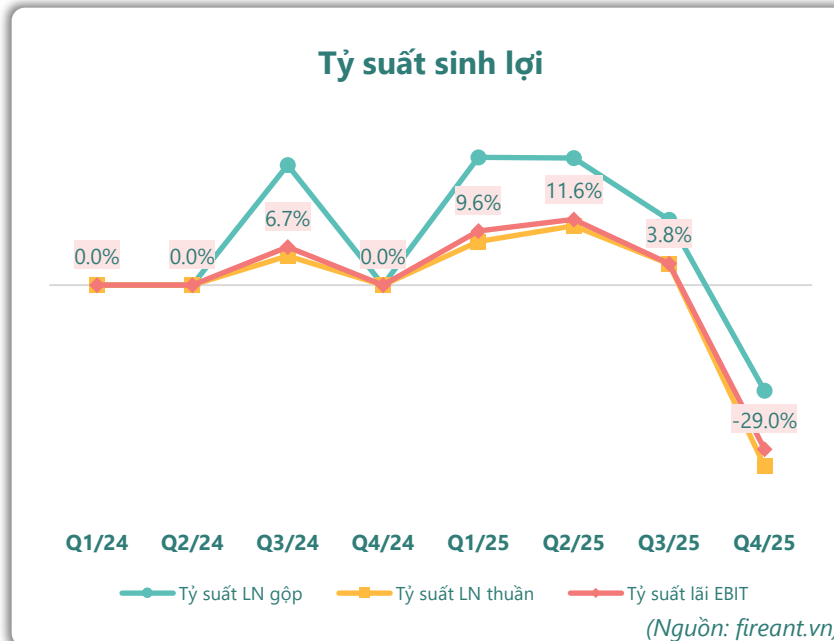
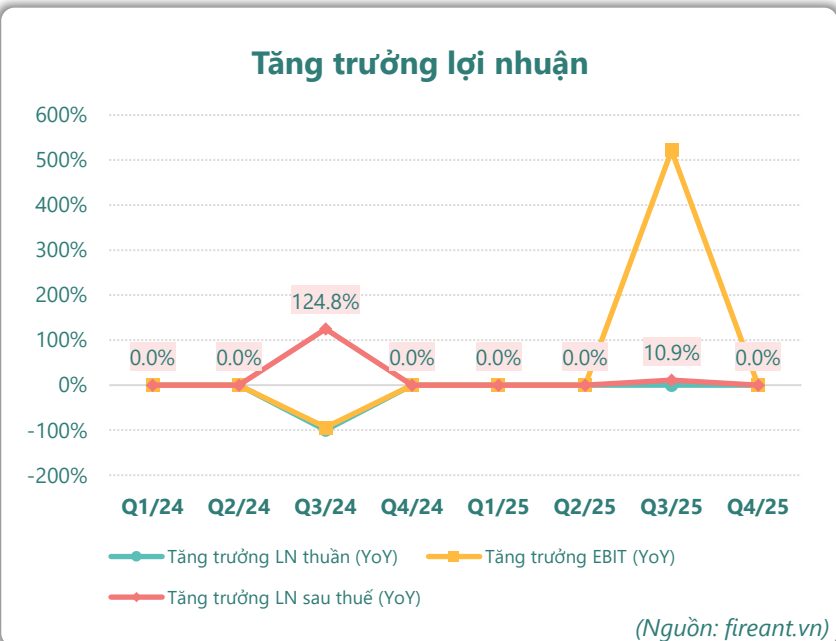
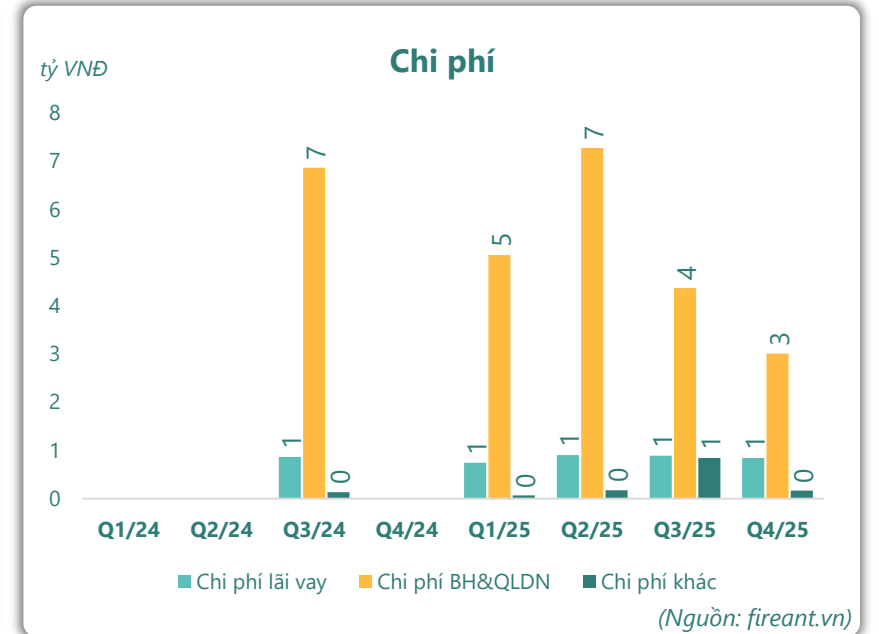
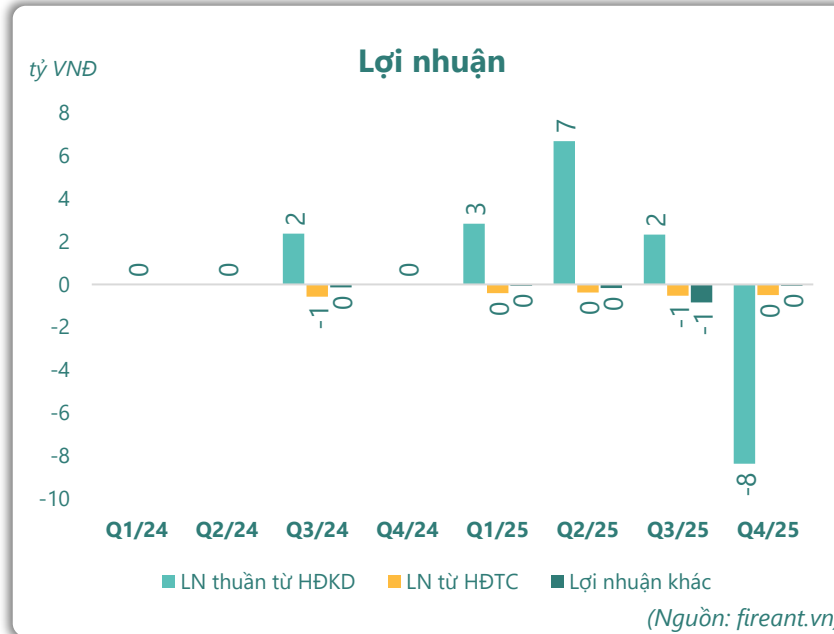
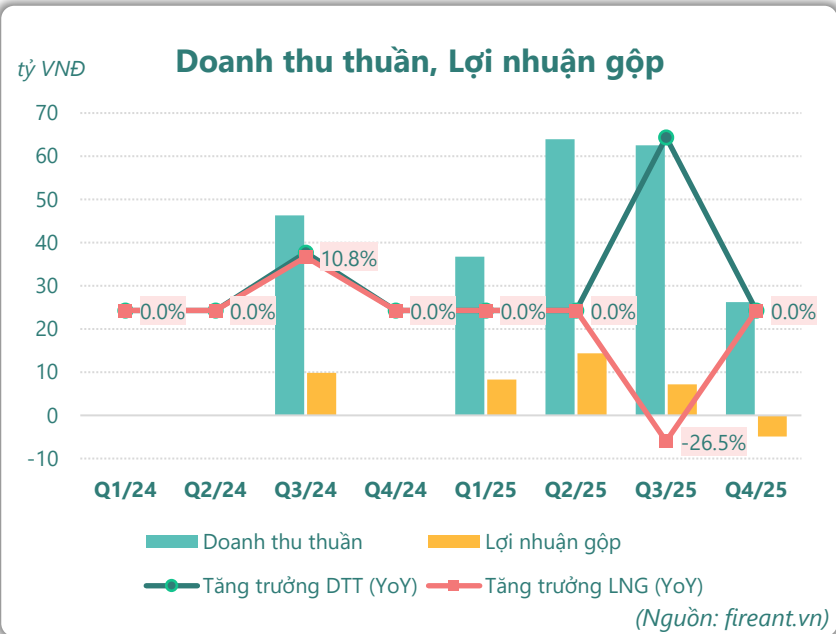
DT thuần 2025
189
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0 -17.8%

LN thuần 2025
3.47
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.3 -80.5%

LN sau thuế 2025
1.46
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.94 -86.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



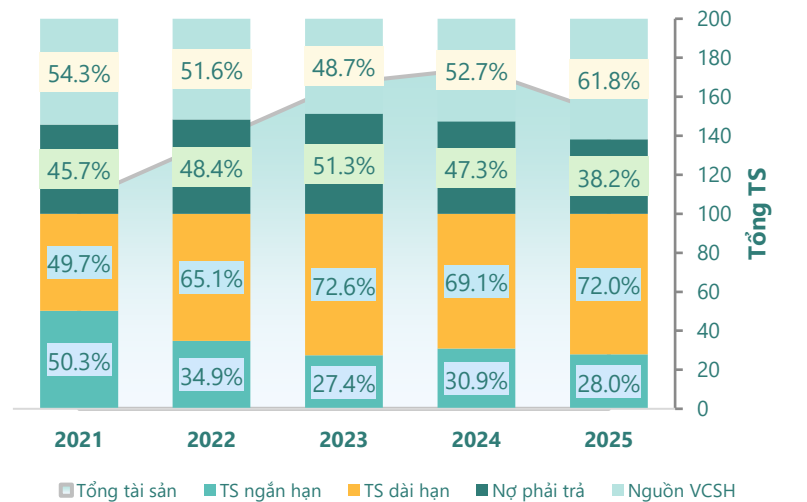


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

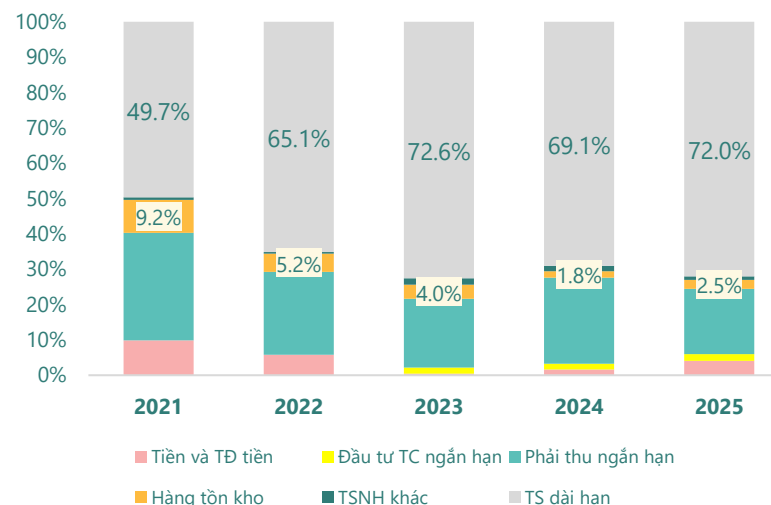
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

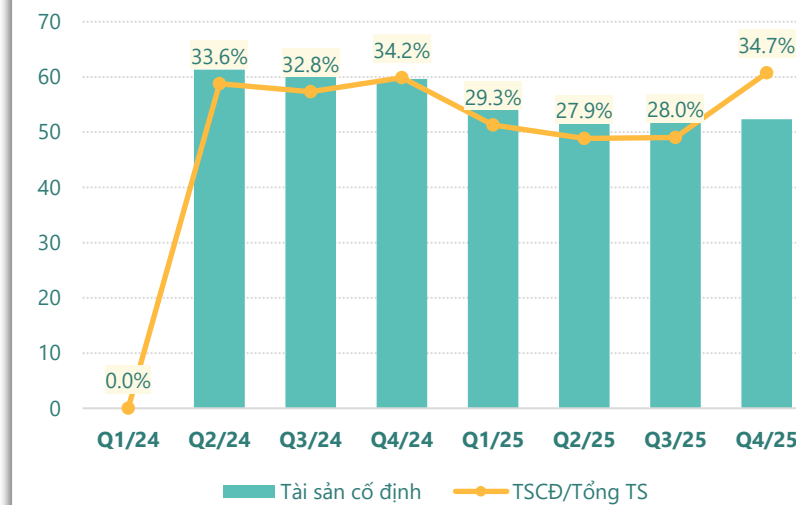
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

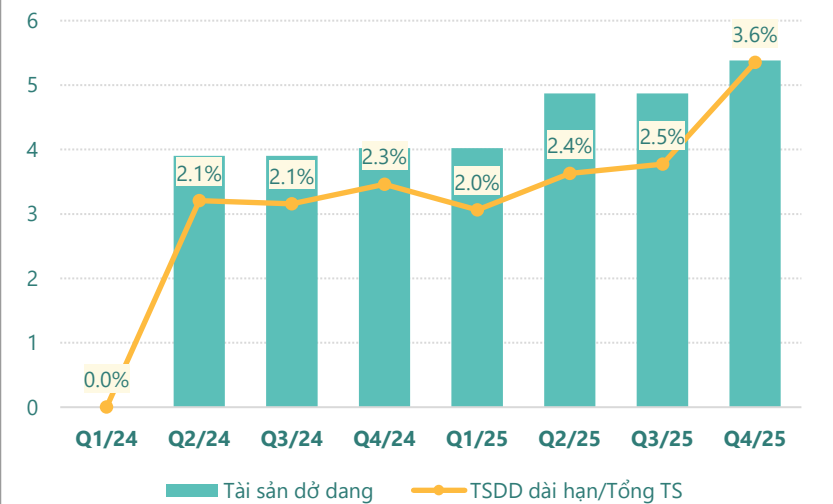
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

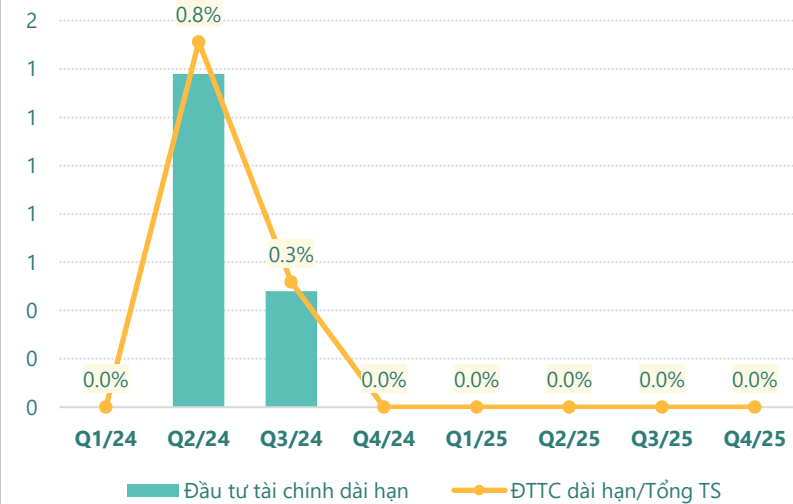
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

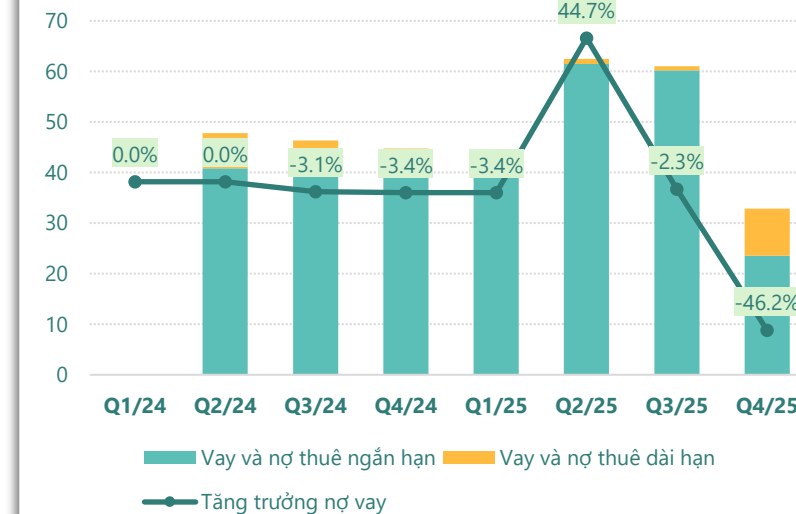
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

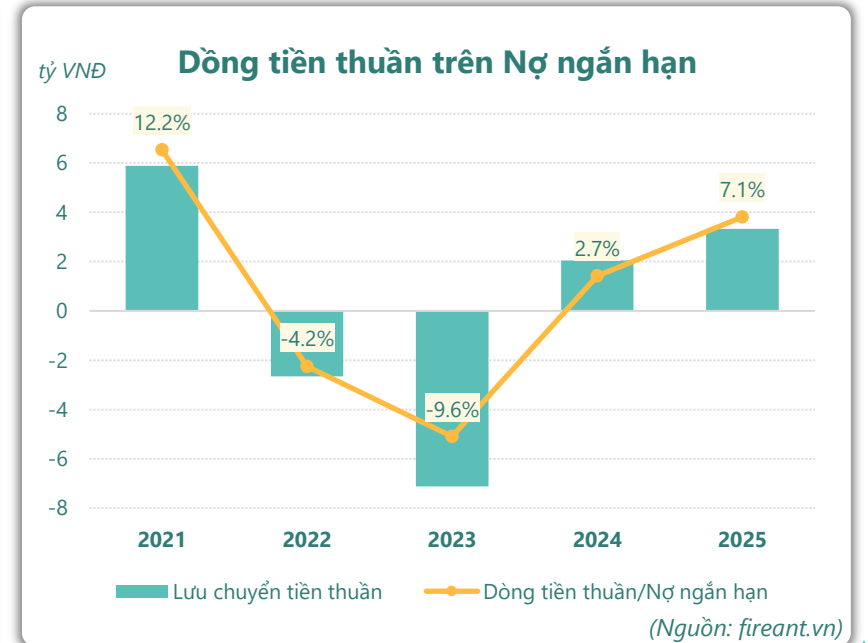
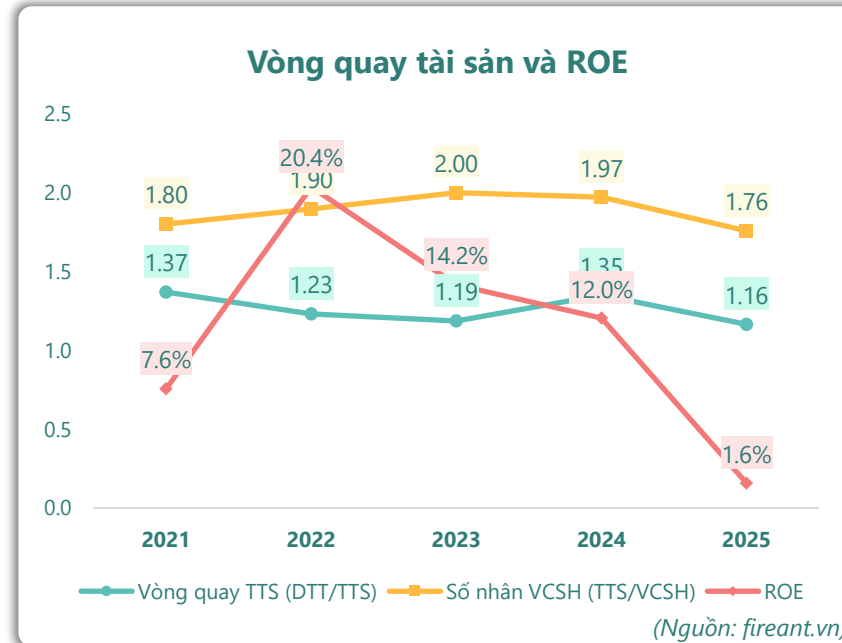
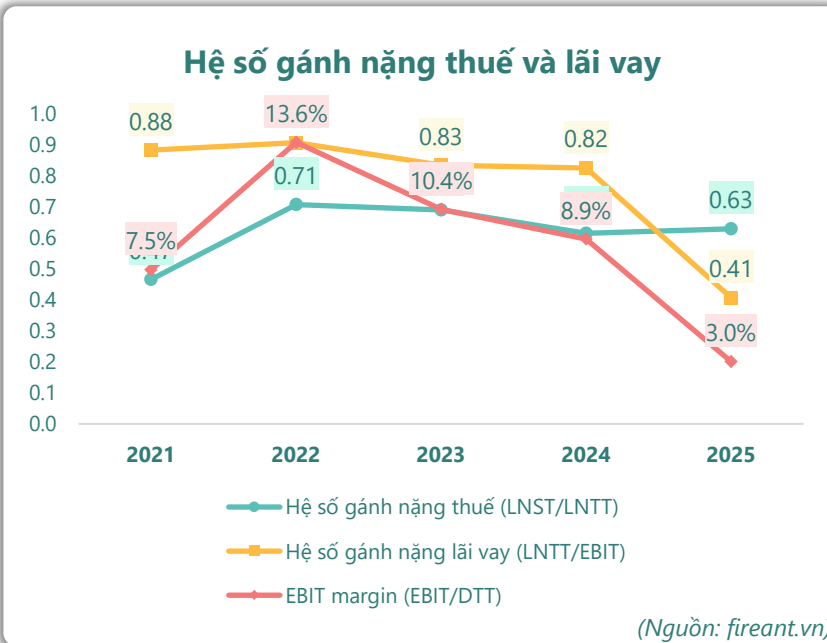
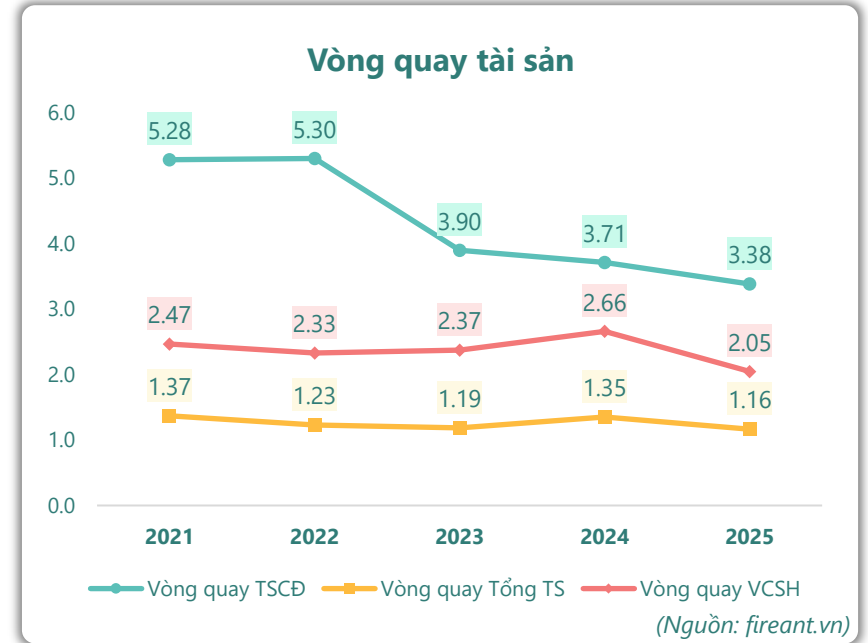
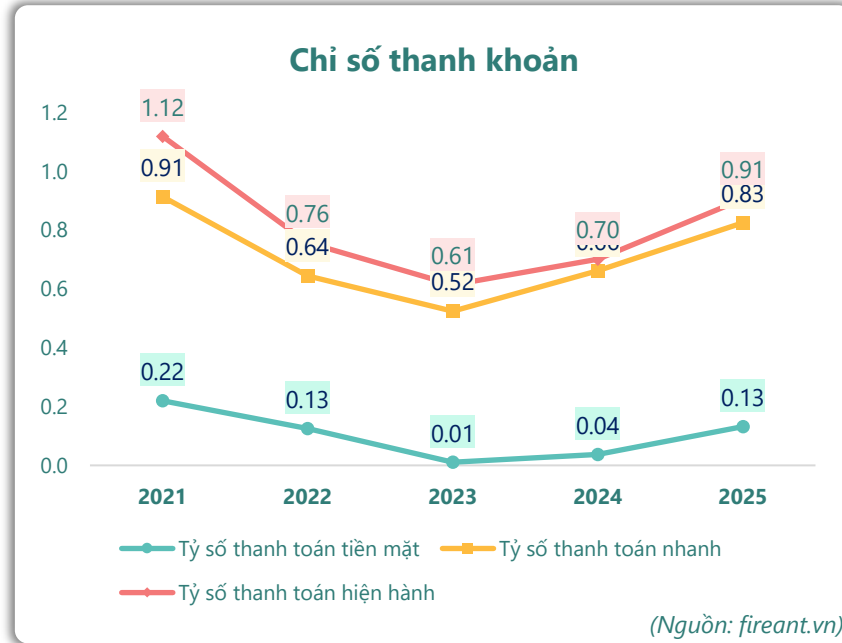
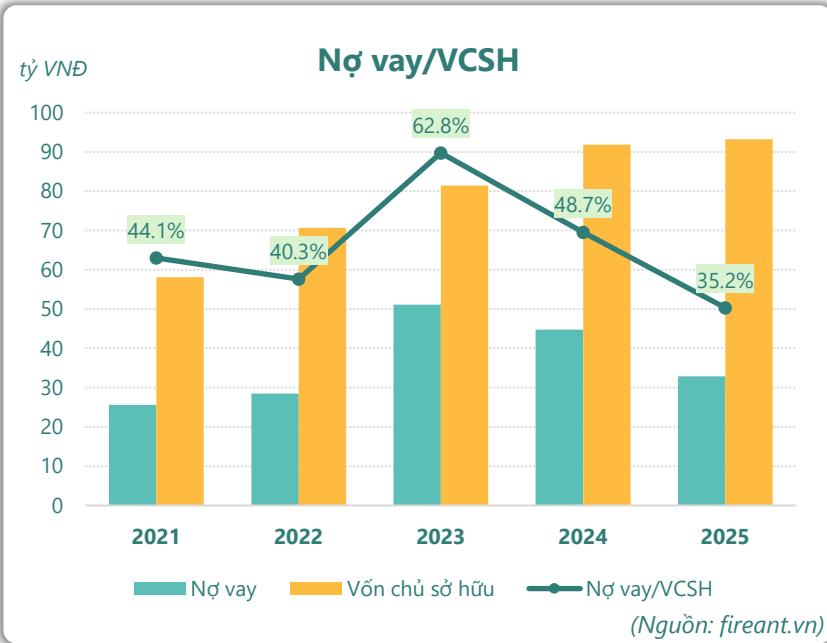
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.2			189	230	-17.8%
Giá vốn hàng bán	31.1			164	184	-10.4%
Lợi nhuận gộp	-4.88			25.0	46.8	-46.7%
Doanh thu HĐTC	0.36			1.60	1.43	11.4%
Chi phí TC	0.85			3.38	3.61	-6.2%
Chi phí lãi vay	0.85			3.38	3.60	-6.1%
LN trong công ty LKLD	0			0	0	
Chi phí bán hàng	0			0	3.58	-100%
Chi phí QLDN	3.01			19.7	23.2	-15.2%
LN thuần từ HĐKD	-8.38			3.47	17.8	-80.5%
Lợi nhuận khác	-0.06			-1.14	-0.82	-39.0%
LN trước thuế	-8.43			2.32	17.0	-86.3%
Lợi nhuận sau thuế	-7.01			1.46	10.4	-86.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-7.01			1.46	10.4	-86.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.72	0	0.65	-19.0	4.77	30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.69	0	-0.03	-0.39	0	-1.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.47	0	-1.54	19.3	-1.43	-28.2
Tiền đầu kỳ	0.80	0	2.84	1.92	1.84	5.18
Lưu chuyển tiền thuần	0.56	0	-0.93	-0.08	3.35	0.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.37	0	1.92	1.84	5.18	6.18

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	151	174	-13.5%
Tài sản ngắn hạn	42.2	53.9	-21.7%
Tiền và tương đương tiền	6.18	2.84	117%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.77	2.77	0.0%
Phải thu ngắn hạn	28.0	42.6	-34.2%
Hàng tồn kho	3.75	3.05	22.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	2.71	-43.7%
Tài sản dài hạn	109	120	-9.8%
Phải thu dài hạn	42.5	47.7	-11.0%
Tài sản cố định	52.4	59.6	-12.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.38	4.02	33.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.45	9.06	-6.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.7	82.5	-30.1%
Nợ ngắn hạn	46.6	76.9	-39.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.6	40.7	-42.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	10.4	47.7%
Nợ dài hạn	11.0	5.62	96.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.26	3.98	133%
Nguồn vốn chủ sở hữu	93.2	91.9	1.5%
Vốn chủ sở hữu	93.2	91.9	1.5%
Vốn điều lệ	85.8	55.4	54.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

